

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/KDTM-ST

Ngày: 07- 9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ
2. Ông Thượng Văn Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Không tham gia

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H; trụ sở: Đường P, phường Đ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976; trú tại: Đường T, phường K, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2021), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần M; trụ sở: đường Đại lộ Bình Dương, khu phố 1, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ – chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2019, Công ty TNHH H và Công ty cổ phần M ký kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng là xi măng xá công nghiệp Hà Tiên PCB40. Theo hợp đồng đã ký kết nêu trên bên phía Công ty TNHH H đã chuyển giao khối lượng xi măng như cam kết cho Công ty cổ phần M. Cuối mỗi tháng sau khi hoàn tất đối chiếu khối lượng xi măng thực tế đã chuyển giao, Công ty TNHH H đã bàn giao 07 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty cổ phần M để yêu cầu thanh toán tiền theo thỏa thuận. Tổng số tiền mà Công ty cổ phần M còn nợ Công ty TNHH H là 12.320.798.800 đồng. Công ty cổ phần M đã trả 10.200.000.000 đồng, hiện còn nợ 2.120.798.800 đồng.

Công ty TNHH H khởi kiện Công ty cổ phần M yêu cầu thanh toán nợ với số tiền là 2.120.798.800 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 318.405.409 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai đối với việc xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH H khởi kiện Công ty cổ phần M yêu cầu thanh toán số tiền 2.120.798.800 đồng tiền nợ do mua bán hàng hóa (bê tông) và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 318.405.409 đồng. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – Công ty cổ phần M có trụ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Công ty TNHH H khởi kiện Công ty cổ phần M yêu cầu thanh toán số tiền 2.120.798.800 đồng tiền nợ do mua bán hàng hóa (xi măng) và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 318.405.409 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là:

1/ Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng xi măng ngày 01/6/2019

2/ 07 hóa đơn GTGT gồm: số 00000162 ngày 30/6/2019; số 00000168 ngày 31/7/2019; số 0000173 ngày 31/8/2019; số 00000181 ngày 30/9/2019; số 00000189 ngày 31/10/2019; số 00000194 ngày 30/11/2019; số 00000199 ngày 31/12/2019 tương ứng với tổng số tiền là 12.320.798.800 đồng.

Nguyên đơn trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn thiết lập quan hệ mua bán hàng hóa (xi măng). Bên nguyên đơn là bên bán, bị đơn là bên mua. Quá trình mua bán bên phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền nêu trên.

Xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng xi măng ngày 01/6/2019. Nội dung cơ bản của Hợp đồng thể hiện mặt hàng mua bán là xi măng xá công nghiệp Hà Tiên PCB40 TCVN 6260-01997, giá: 1.400.000 đ/tấn, hồ sơ thanh toán gồm: bảng đối chiếu khối lượng hàng tháng, giấy đề nghị thanh toán của bên bán, hóa đơn GTGT, vào ngày cuối cùng của mỗi tháng 02 bên sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng, xuất hóa đơn để làm căn cứ xác nhận dư nợ và bên mua sẽ thanh toán cho bên bán chậm nhất trong vòng 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, nếu bên mua chậm thanh toán thì tính lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Bên mua có nghĩa vụ ký phiếu giao nhận theo từng chuyến để làm cơ sở thanh toán.

Qua xem xét hợp đồng ngày 01/6/2019, có chữ ký các bên nên có cơ sở xác định hai bên có thỏa thuận giao dịch mua bán là xi măng xá công nghiệp Hà Tiên PCB40 TCVN 6260-01997 nên xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập hợp đồng mua bán, mặt hàng các bên giao dịch có đăng ký kinh doanh, không thuộc hàng pháp luật cấm nên giao dịch các bên là hợp pháp..

Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo khối lượng và đơn giá ghi trong 07 hóa đơn GTGT được xuất từ ngày 30/6/2019 đến 31/12/2019 với tổng số tiền là 12.320.789.800 đồng. Mặc dù 02 bên không làm đối chiếu công nợ nhưng bị đơn đã trả được 10.200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản nên còn nợ lại số tiền là 2.120.798.800 đồng. Theo thỏa thuận bị đơn phải thanh toán trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên bị đơn chỉ thanh toán một phần còn nợ lại số tiền nêu trên là vi nghĩa vụ thanh toán của người mua hàng theo Điều 50 Luật thương mại. Do vậy nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ còn lại là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm trả tiền mua hàng với số tiền 318.405.409 đồng, xét thấy: Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại lãi suất được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Và thực tế lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường bao giờ cũng cao hơn lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự. Hiện lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự cao nhất là 1,66%/tháng. Từ ngày bị đơn không trả tiền cho bị đơn từ tháng 01/2020 cho đến nay nếu tạm tính thì số tháng chậm trả của bị đơn là 33 tháng, tạm tính số tiền như sau:

$2.120.798.800 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng} = 1.119.360.000 \text{ đồng}.$

Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi suất 318.405.409 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận mà không cần phải xác minh lãi suất của 03 ngân hàng tính lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường để giải quyết.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn:

2.120.798.800 đồng + 318.405.409 đồng = 2.439.204.209 đồng

Từ những nhận định nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 30, 35, 39, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự
- Các Điều 24, 25, 50, 55, 306 Luật thương mại 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty H đối với bị đơn - Công ty cổ phần M, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty cổ phần M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền 2.439.204.209 đồng (hai tỉ bốn trăm ba mươi chín triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm lẻ chín).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu 80.784.084 đồng (tám mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bốn).

Công ty TNHH H không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền 40.392.000 đồng (bốn mươi triệu ba trăm chín mươi hai nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000763 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo),
- Các đương sự,
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí